



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

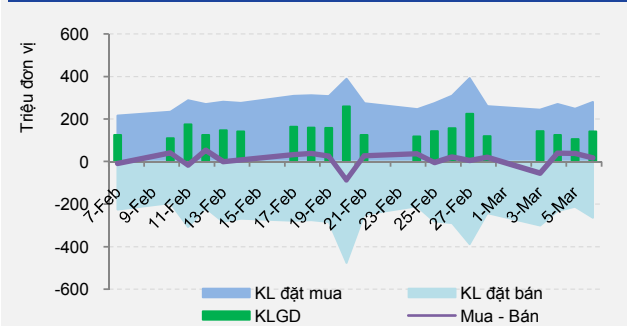
Phiên giao dịch ngày:

6/3/2014

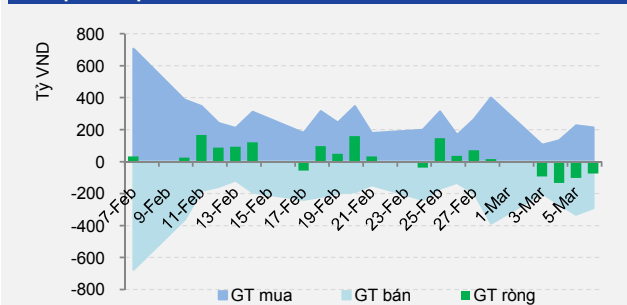
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	578.6	81.8
% Thay đổi	↑ 0.6%	↑ 0.8%
KLGD (CP)	141,304,493	73,440,803
GTGD (tỷ đồng)	2,234.66	733.84
Tổng cung (CP)	261,779,610	124,265,600
Tổng cầu (CP)	279,217,420	121,528,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	12,950,130	331,780
KL mua (CP)	7,057,510	982,600
GTmua (tỷ đồng)	214.15	10.97
GT bán (tỷ đồng)	288.18	5.29
GT ròng (tỷ đồng)	(74.03)	5.68

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Nghành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.86%	9.1	2.1	3.4%
Công nghiệp	↑ 0.67%	219.5	1.3	21.7%
Dầu khí	↑ 0.51%	8.7	1.9	2.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.58%	15.3	2.2	2.1%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.49%	10.8	3.2	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.29%	13.4	4.9	10.7%
Ngân hàng	↑ 0.15%	14.2	1.3	7.5%
Nguyên vật liệu	↑ 0.80%	11.6	2.2	9.1%
Tài chính	↑ 0.71%	15.7	2.4	37.9%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 1.59%	11.6	4.2	4.5%
VN - Index	↑ 0.63%	14.3	3.0	75.3%
HNX - Index	↑ 0.75%	20.5	1.6	24.7%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,329,390	0.9%	3,584,460	2.5%
GTGD (tỷ VND)	30,582	1.4%	74,796	3.4%

THỊ TRƯỜNG TIẾP PHIÊN PHỤC HỒI KỸ THUẬT - DÒNG TIỀN TRÁNH CỔ PHIẾU THUỘC DANH MỤC ETF - CỔ PHIẾU NHỎ TĂNG MẠNH

Nhận định: Thị trường tiếp phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp từ ngưỡng hỗ trợ. Diễn biến tăng điểm mạnh dần về cuối phiên với thanh khoản tăng, độ rộng thị trường lớn cho tín hiệu tích cực hơn về kỹ thuật. Dòng tiền vẫn tập trung tại nhóm cổ phiếu penny và midcap, đặc biệt là nhóm cổ phiếu thị giá thấp. Nhóm cổ phiếu Bluechips liên quan đến quỹ đầu tư ETF vẫn diễn biến kém tích cực hơn thị trường chung.

Chúng tôi duy trì quan điểm thị trường cần thời gian điều chỉnh tích lũy trước khi vượt qua ngưỡng cản kỹ thuật khoảng 595-600 điểm đối với VN-Index, 83-84 điểm đối với HNX-Index, đặc biệt khi kỳ reveal của hai quỹ ETF đang đến gần. Vùng hỗ trợ gần nhất của VN-Index là khoảng 560-565 điểm. Vùng hỗ trợ đối với HNX-Index là khoảng 78 điểm. Chúng tôi chưa có quan ngại về xu hướng thị trường trong trung dài hạn.

Nhà đầu tư trung dài hạn có thể xem xét tích lũy cổ phiếu Bluechips ở những phiên/thời điểm thị trường giảm mạnh. Đối với nhà đầu tư ngắn hạn đã hạ tỷ trọng margin về mức an toàn, chúng tôi khuyến nghị chưa tham gia thị trường ở thời điểm hiện tại.

- Chỉ số VN-Index tăng 3.61 điểm (0.63%), lên 578.55 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 580.04 điểm.

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.61 điểm (0.75%), lên 81.81 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 80.87 điểm.

- Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết phiên họp thường kỳ Tháng 2/2014. Theo đó, Chính phủ yêu cầu NHNN xem xét khả năng điều chỉnh giảm mật bằng lãi suất cho vay phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô và lạm phát. Tín dụng đối với lĩnh vực ưu tiên cũng được chú trọng quan tâm, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, áp dụng khoa học và công nghệ cao, liên kết chuỗi sản xuất sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu. Theo NHNN, hệ thống Ngân hàng có thể giảm lãi suất cho vay thêm 1-2% trong thời gian tới.

- Theo Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam (Vinpa), doanh nghiệp xăng dầu các doanh nghiệp đầu mỗi xăng dầu được xác định đang lỗ từ 173 đồng đến 519 đồng/lít xăng dầu. Bộ Tài Chính đã có văn bản gửi các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đầu mỗi về điều hành giá xăng dầu. Theo đó, Bộ yêu cầu giữ ổn định giá bán xăng, dầu trong nước; cho tăng mức trích Quỹ Bình ổn giá đối với các mặt hàng xăng, dầu lên 300 đồng/lít xăng, dầu diesel là 170 đồng/lít, dầu hỏa là 110 đồng/lít. Đối với điều hành giá điện, Bộ Công Thương cho biết chưa nhận được thông tin về việc điều chỉnh giá điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.



PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX

- Chỉ số VN-Index tăng 3.61 điểm (0.63%), lên 578.55 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 580.04 điểm.

- KLGD tăng 27% so phiên trước, lên 131 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 60 điểm, tâm lý thị trường tích cực hơn. MACD 9 ngày duy trì khoảng cách phía dưới đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng điều chỉnh.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp từ ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật 565 điểm. Thị trường tăng điểm mạnh dần về cuối phiên với thanh khoản tăng, độ rộng thị trường lớn cho tín hiệu tích cực hơn về kỹ thuật. Dòng tiền vẫn tập trung tại nhóm cổ phiếu penny và midcap. Nhóm cổ phiếu Bluechips liên quan đến quỹ đầu tư ETF vẫn diễn biến kém tích cực hơn thị trường chung.

Chúng tôi duy trì quan điểm thị trường cần thời gian điều chỉnh tích lũy trước khi vượt qua ngưỡng cản kỹ thuật 600 điểm, đặc biệt khi kỳ reveal của hai quỹ ETF đang đến gần. Vùng hỗ trợ gần nhất của VN-Index là khoảng 560-565 điểm. Chúng tôi chưa có quan ngại về xu hướng thị trường trong trung dài hạn.

Nhà đầu tư trung dài hạn có thể xem xét mua vào cổ phiếu Bluechips ở những phiên thị trường giảm mạnh. Đối với nhà đầu tư ngắn hạn đã hạ tỷ trọng margin về mức an toàn, chúng tôi khuyến nghị chưa tham gia thị trường ở thời điểm hiện tại.

HNX-INDEX

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.61 điểm (0.75%), lên 81.81 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 80.87 điểm.

- KLGD tăng 21% so với phiên trước, lên 72 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 65.5 điểm. Đường MACD 9 vẫn nổi rộng khoảng cách phía dưới đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng điều chỉnh.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index ghi nhận phiên tăng điểm thứ 2 liên tiếp từ mốc hỗ trợ kỹ thuật của đường MA20. Thị trường tăng điểm mạnh dần về cuối phiên với thanh khoản tăng, độ rộng thị trường lớn cho tín hiệu tích cực về kỹ thuật.

Chúng tôi duy trì quan điểm thị trường cần thời gian điều chỉnh tích lũy trước khi vượt qua ngưỡng cản kỹ thuật 600 điểm, đặc biệt khi kỳ reveal của hai quỹ ETF đang đến gần. Ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật của HNX-Index là khoảng 76-78 điểm. Chúng tôi chưa có quan ngại về xu hướng thị trường trong trung dài hạn.

Nhà đầu tư trung dài hạn có thể xem xét mua vào cổ phiếu Bluechips ở những phiên thị trường giảm mạnh. Đối với nhà đầu tư ngắn hạn, tỷ trọng margin cao, nên hạ tỷ lệ margin, nhằm chủ động với xu hướng điều chỉnh của thị trường.



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Trung tính	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Trung tính	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	SD7	HNX	343.78	236.0%	4.7	47100.0%	760.25	-5.1%	7.97	142.4%	17.1%	2.87
2	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.20
3	ASP	HOSE	569.88	10.7%	10.93	10830.0%	1970.76	-1.1%	20.2	-19.8%	72.1%	13.11
4	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.08
5	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.56
6	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
7	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
8	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91
9	ITA	HOSE	-36.58	-117.6%	31.7	2319.8%	-15.13	-141.7%	45.11	36.8%	57.8%	15.73
10	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	2.19

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	DHC	HOSE	135.56	26.0%	9.35	91.6%	454.35	33.3%	27.05	1165.0%	158.7%	1.12
2	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
3	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
4	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.05
5	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
6	TCM	HOSE	645.39	25.1%	28.88	247.3%	2554.42	11.9%	123.52	712.7%	136.7%	49.00
7	SCL	HNX	93.23	857.2%	22.19	382.3%	213.26	217.7%	37.57	547.8%	225.6%	-
8	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	6.22
9	VCG	HNX	2921.87	-41.1%	421.53	671.2%	11345.11	-10.4%	544.75	523.4%	152.1%	5.15
10	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91

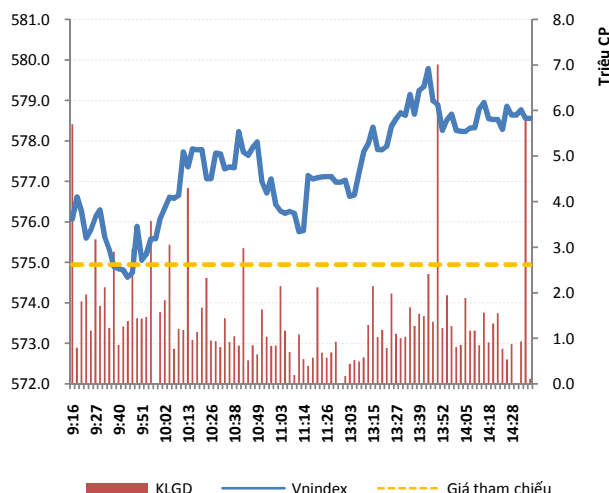
TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	GAS	HOSE	16575.8	9.5%	2194.68	-12.2%	65445.03	-4.2%	12384.66	26.3%	161.0%	2.51
2	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.99
3	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
4	DPM	HOSE	2361.45	-17.4%	258.71	-50.6%	10363.42	-22.2%	2216.92	-26.5%	115.8%	29.86
5	HPG	HOSE	6460.28	52.5%	489.6	179.5%	18934.29	12.5%	1954.22	96.6%	162.9%	45.57
6	PVD	HOSE	4467.94	26.4%	485.28	126.8%	14863.25	24.6%	1877.89	29.7%	138.1%	40.65
7	PPC	HOSE	1736.95	40.4%	232.13	-57.2%	6582.56	59.4%	1631.51	223.2%	486.4%	12.57
8	FPT	HOSE	11283.43	12.6%	474.01	5.6%	41231.63	67.6%	1607.71	4.4%	81.0%	49.00
9	PVS	HNX	6096.13	-4.6%	491.81	142.3%	25385.83	3.2%	1516.21	35.6%	191.9%	25.65
10	BVH	HOSE	2040.45	-6.7%	291.11	-1.7%	8377.68	-0.4%	1095.85	-18.7%	99.4%	24.40
11	REE	HOSE	729.9	10.6%	136.84	-22.6%	2413.4	0.7%	975.79	48.6%	150.1%	48.94
12	HAG	HOSE	755.13	-56.4%	295.65	368.9%	2769.41	-37.0%	901.81	157.7%	108.6%	34.19

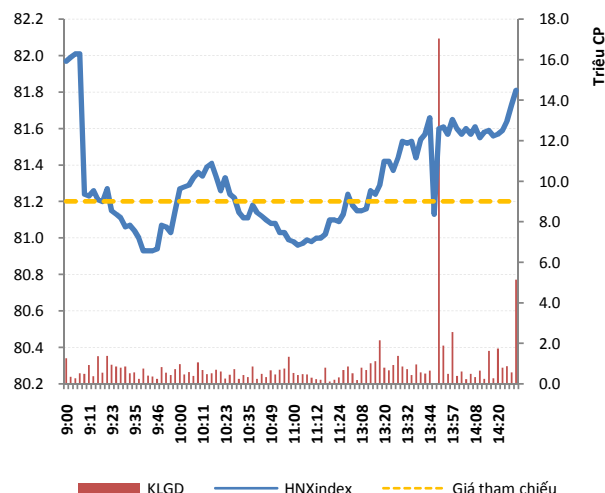
Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 05/03/2014

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

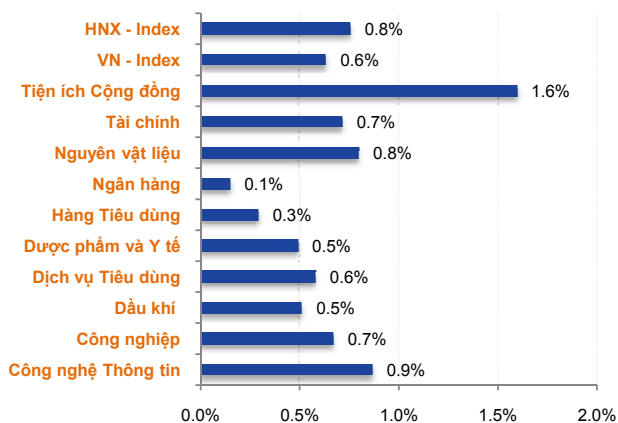
KLGD và VN-Index trong phiên



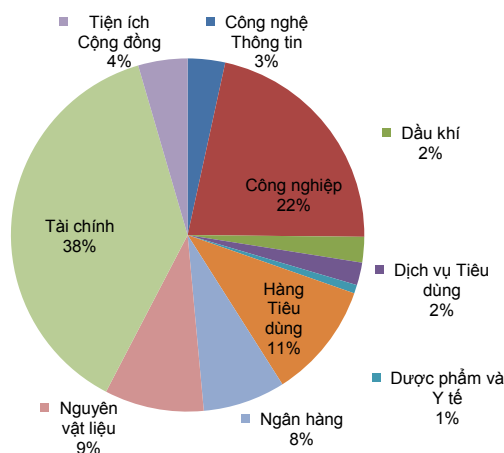
KLGD và HNX-Index trong phiên



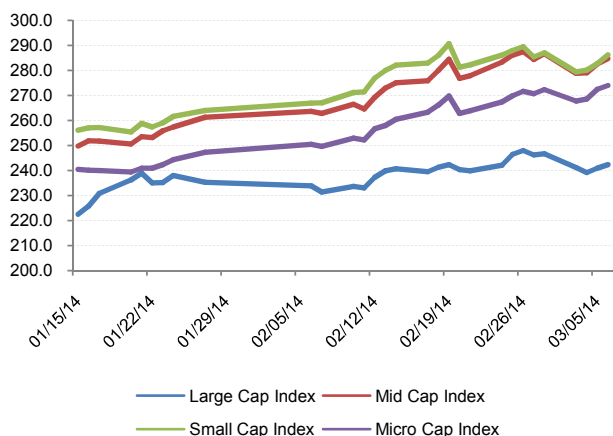
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



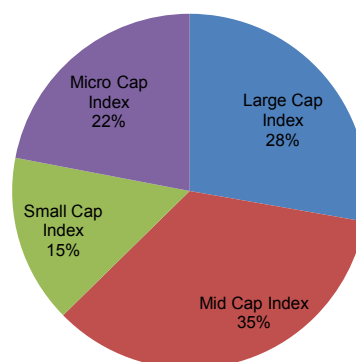
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DXG	775,210	KBC	5,725,630
2	STB	519,960	HAG	1,766,390
3	SSI	510,970	CTG	396,330
4	KDC	265,300	PET	189,520
5	DIG	211,470	PVT	153,700

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	221,600	VND	100,000
2	PHH	132,000	PVC	57,000
3	PVS	112,200	PLC	43,500
4	PVL	100,000	PGS	11,300
5	APS	90,000	PSG	10,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HAG	26.2	26.9	↑ 2.67%	8,312,600
KBC	12.8	13.0	↑ 1.56%	7,102,820
ITA	7.9	7.9	→ 0.00%	5,763,540
SSI	25.7	26.0	↑ 1.17%	5,477,840
FLC	13.1	12.9	↓ -1.53%	5,415,850

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	9.0	9.3	↑ 3.33%	10,881,400
PVX	4.6	4.5	↓ -2.17%	7,465,736
HUT	10.4	11.3	↑ 8.65%	4,826,500
VCG	14.9	15.1	↑ 1.34%	3,796,146
PVL	3.3	3.6	↑ 9.09%	3,778,700

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ASM	8.6	9.2	0.6	↑ 6.98%
LGL	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
SPM	23.0	24.6	1.6	↑ 6.96%
HAI	20.6	22.0	1.4	↑ 6.80%
BT6	9.0	9.6	0.6	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXA	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%
DNY	7.0	7.7	0.7	↑ 10.00%
NFC	33.0	36.3	3.3	↑ 10.00%
SRB	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
MIM	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PNC	5.8	5.4	-0.4	↓ -6.90%
ASIAGF	9.0	8.4	-0.6	↓ -6.67%
BRC	12.0	11.2	-0.8	↓ -6.67%
STT	3.0	2.8	-0.2	↓ -6.67%
CLW	17.2	16.1	-1.1	↓ -6.40%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PMS	17.0	15.3	-1.7	↓ -10.00%
MHL	10.1	9.1	-1.0	↓ -9.90%
DLR	6.1	5.5	-0.6	↓ -9.84%
BBS	19.5	17.6	-1.9	↓ -9.74%
TAG	31.9	29.0	-2.9	↓ -9.09%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	8,312,600	8.0%	1,372	19.6	1.5
KBC	7,102,820	1.7%	238	54.6	0.9
ITA	5,763,540	0.7%	74	107.4	0.7
SSI	5,477,840	8.0%	1,193	21.8	1.7
FLC	5,415,850	7.9%	663	19.5	1.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	10,881,400	7.6%	854	10.9	0.8
PVX	7,465,736	-115.4%	(5,275)	-	2.2
HUT	4,826,500	1.9%	232	48.7	1.0
VCG	3,796,146	10.0%	1,233	12.2	1.2
PVL	3,778,700	-6.2%	(628)	-	0.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ASM	↑ 7.0%	3.1%	441	20.9	0.6
LGL	↑ 7.0%	-16.0%	(2,464)	(1.9)	0.3
SPM	↑ 7.0%	2.9%	1,418	17.3	0.5
HAI	↑ 6.8%	10.0%	2,177	10.1	1.1
BT6	↑ 6.7%	2.8%	375	25.6	0.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PXA	↑ 10.0%	-60.4%	(2,942)	10.9	1.3
DNY	↑ 10.0%	4.1%	556	13.8	0.6
NFC	↑ 10.0%	32.3%	6,074	6.0	1.3
SRB	↑ 10.0%	-2.9%	(287)	(11.5)	0.3
MIM	↑ 10.0%	-18.3%	(2,170)	(2.0)	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	775,210	13.9%	1,518	10.9	2.0
STB	519,960	14.5%	1,978	10.2	1.3
SSI	510,970	8.0%	1,193	21.8	1.7
KDC	265,300	11.3%	3,040	19.1	2.0
DIG	211,470	1.9%	318	53.5	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	221,600	7.6%	854	10.9	0.8
PHH	132,000	0.3%	47	176.9	0.6
PVS	112,200	21.0%	3,568	7.8	1.5
PVL	100,000	-6.2%	(628)	-	0.4
APS	90,000	3.4%	285	18.3	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	158,233	40.8%	6,535	12.8	4.7
VNM	115,852	39.6%	7,839	17.7	6.6
MSN	72,021	3.0%	611	160.3	4.8
VCB	69,523	10.3%	1,878	16.0	1.6
VIC	67,762	47.7%	7,379	10.1	3.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,297	6.6%	886	18.7	1.2
PVS	12,463	21.0%	3,568	7.8	1.5
SQC	8,602	-1.5%	(188)	-	6.4
SHB	8,241	7.6%	854	10.9	0.8
VCG	6,670	10.0%	1,233	12.2	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HVX	2.55	-7.7%	(703)	-	1.0
BVH	2.17	9.0%	1,610	28.8	2.6
HBC	2.16	6.4%	1,266	17.1	1.1
IMP	1.97	8.5%	3,720	16.0	1.3
HPG	1.96	22.2%	4,663	10.5	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
YBC	3.52	-84.4%	(4,096)	-	2.2
TTZ	3.43	0.4%	42	132.5	0.5
BKC	3.40	-31.9%	(3,682)	-	1.5
HBE	3.38	0.0%	(3)	-	0.9
VE8	3.16	11.8%	1,145	4.8	0.5



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)